SỞ Y TẾ PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÌNH XUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 398 /QĐ-TTYT

Bình Nguyên, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán mua sắm và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và các văn bản pháp luật có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Dự trù ngày 28/8/2026 của các Khoa Chẩn đoán hình ảnh-XN v/v mua bổ sung vật tư, hóa chất để thực hiện xét nghiệm trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hoặc gần hết hóa chất trúng thầu;

Căn cứ Tờ trình số 04/TTr-DT&KHLCNT ngày 17/9/2026 của Tổ lập dự toán mua sắm và lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm v/v phê duyệt dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 04/TTĐ/BC-TĐ-DT&KHLCNT ngày 21./9/2026 của Tổ thẩm định dự toán mua sắm, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm v/v thẩm định Dự toán mua sắm và Kế hoạch lựa chọn nhà dự toán mua sắm: Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Dược-VT,TBYT-KSNK, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm với nội dung như sau:

I. Phê duyệt dự toán mua sắm

1. Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên.

2. Tên dự toán mua sắm: Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm.

3. Giá dự toán: 434.168.960 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tư triệu một trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi đồng./.), trong đó:

- Chi phí mua bổ sung hóa chất xét nghiệm: 434.168.960 đồng.

- Chi phí không dùng để mua sắm: Không có.

4. Nguồn vốn: Nguồn thu hoạt động sự nghiệp công và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị theo quy định của pháp luật.

5. Năm tài chính: 2026

II. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm *Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm* với nội dung chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm

Điều 2. Giao Khoa Dược-VT,TBYT-KSNK chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán, các khoa, phòng và các đơn vị có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông bà Trưởng: Khoa Dược-VT,TBYT-KSNK; Phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng các khoa, phòng, các cá nhân và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- GĐ; PGĐ;
- Lưu: VT, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÌNH XUYÊN

Phan Kim Trọng

Phụ lục 1: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM
Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm

(Kèm theo Quyết định số 398/QĐ-TTYT ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu (2)	Tóm tắt công việc chính của gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn (3)	Hình thức lựa chọn nhà thầu (4)	Phương thức lựa chọn nhà thầu (5)	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (6)	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu (7)	Loại hợp đồng (8)	Thời gian thực hiện gói thầu (9)	Tùy chọn mua thêm (10)	Giám sát hoạt động đấu thầu
1	Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên	Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm	Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm, bao gồm: 04 hóa chất thực hiện xét nghiệm HbA1c (trên máy sinh hóa AU 480 và 06 hóa chất thực hiện xét nghiệm huyết học 5 thành phần (trên máy Nihon Kohden MEK-9100). Gói thầu chia làm 02 phần/lô tương ứng với các nhóm hóa chất thực hiện trên từng máy.	434.168.960	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp công và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	45 ngày	Quý III.2026	Trọn gói (theo phần/lô)	03 tháng		
1.1			*Phần 1: Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa Beckman Coulter AU 480.*	*86.239.020*									
1.2			*Phần 2: Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Nihon Kohden MEK-9100.*	*347.929.940*									
		Tổng giá gói thầu:		**434.168.960**									

Chi tiết phần/lô tại Phụ lục 2

Phụ lục 2. Danh mục phần/lô và các mặt hàng thuộc gói thầu

Mua bổ sung hóa chất đối với các nhóm xét nghiệm đã sử dụng hết hóa chất hoặc dự kiến không đủ hóa chất sử dụng trong thời gian chờ đấu thầu hàng năm

(Kèm theo Quyết định số 398 /QĐ-TTYT ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên)

STT	Danh mục vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế	Tên thương mại	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, chủng loại	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(12)*(11)*
I	**Phần 1: Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa Beckman Coulter AU 480**											**86.239.020**
1.1	Hoá chất xét nghiệm định lượng HBA1C	Measure HbA1c II 2x60ml + 2x20ml	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c trong máu người, sử dụng trên các hệ thống phân tích sinh hoá. Dải đo 3 - 15%. Phương pháp Latex Immunoturbidimetric, bước sóng 660/800nm. Thành phần: Mouse anti-human hemoglobin A1c monoclonal antibody-sensitized latex; Mouse anti-human hemoglobin A1c monoclonal antibody label-goat anti-mouse IgG polyclonal antibody. Hóa chất sẵn sàng sử dụng, có mã vạch nhận diện hóa chất tương thích với hệ thống phân tích sinh hóa Beckman Coulter AU-series và các hệ thống phân tích sinh hóa tự	84A1072	2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd/	Nhật Bản	ml	Hộp (2x60ml + 2x20ml)	320	227.587,5	72.828.000

STT	Danh mục vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế	Tên thương mại	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, chủng loại	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(12)*(11)*
			động. Bảo quản đến hết hạn sử dụng ở nhiệt độ 2 - 8 độ C. Tiêu chuẩn ISO 13485									
1.2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HBA1C	HbA1c Calibrator Set 5x1ml	Hoá chất hiệu chuẩn 5 mức nồng độ dùng cho định lượng glycated hemoglobin HbA1c trong máu bằng phương pháp miễn dịch. Dạng đông khô, được chiết xuất từ hồng cầu được ly giải, các chất ổn định và bảo quản. Bảo quản đến hết hạn sử dụng ở nhiệt độ 2-8 độ C. Tiêu chuẩn ISO 13485	21H601	2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd/ Nhật Bản	Nhật Bản	ml	Hộp (5x1ml)	5	1.588.524	7.942.620
1.3	Chất kiểm tra HbA1c	HbA1c Control Set 2x1ml	Hoá chất kiểm chuẩn 2 mức nồng độ dùng cho định lượng glycated hemoglobin HbA1c trong máu bằng phương pháp miễn dịch. Dạng đông khô, được chiết xuất từ hồng cầu được ly giải, các chất ổn định và bảo quản. Bảo quản đến hết hạn sử dụng ở nhiệt độ 2-8 độ C. Tiêu chuẩn ISO 13485	21H501	2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd/ Nhật Bản	Nhật Bản	ml	Hộp (2x1ml)	2	966.840	1.933.680
1.4	Dung dịch ly giải máu dùng để pha loãng máu toàn phần	HbA1c Diluent 1 x 5L	Dung dịch ly giải máu dùng để pha loãng mẫu máu toàn phần hoặc hồng cầu để định lượng đo HbA1c bằng phương pháp miễn dịch. Hóa chất sẵn sàng sử dụng. Thành phần: Good buffer,	21H701B	2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd/ Nhật Bản	Nhật Bản	Lít	Lọ 5L	5	706.944	3.534.720

STT	Danh mục vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế	Tên thương mại	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, chủng loại	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(12)*(11)*
			Sodium azide. Bảo quản đến hết hạn sử dụng ở nhiệt độ 2-8 độ C. Tiêu chuẩn ISO 13485									
II	**Phần 2: Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Nihon Kohden MEK-9100**											**347.929.940**
2.1	Dung dịch Isotonac3	Isotonac 3/ MEK-640	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, Tiêu chuẩn CE cho thiết bị y tế chẩn đoán in vitro (CE-IVDR) Có CFS Nhật Bản (G7)	T436D	2025 trở về sau	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	Lít	Can 18L	954	145.000	138.330.000

STT	Danh mục vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế	Tên thương mại	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, chủng loại	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(12)*(11)*
2.2	Dung dịch Cleanac 710	Cleanac 710 / MK-710W	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh dương Mùi: nhẹ Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.069% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, Tiêu chuẩn CE cho thiết bị y tế chẩn đoán in vitro (CE-IVDR) Có CFS Nhật Bản (G7)	T438H	2025 trở về sau	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	Lít	Can 2L	20	1.600.000	32.000.000
2.3	Dung dịch Cleanac 810	Cleanac 810/ MK-810W	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorite: 6.0 - 6.3%, Sodium hydroxide <0.5% Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: chỉ dùng 1 lần	T438R	2025 trở về sau	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	ml	Bộ (3x15ml)	270	102.222	27.599.940

STT	Danh mục vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế	Tên thương mại	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, chủng loại	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(12)*(11)*
			Đạt tiêu chuẩn ISO13485, Tiêu chuẩn CE cho thiết bị y tế chẩn đoán in vitro (CE-IVDR) Có CFS Nhật Bản (G7)									
2.4	Dung dịch Hemolynac 310	Hemolynac ·310/ MK-310W	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 7.0 đến 7.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride: < 3.0%, Cetrimonium chloride: < 0.1%, Citric acid monohydrate: < 2.0% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, Tiêu chuẩn CE cho thiết bị y tế chẩn đoán in vitro (CE-IVDR) Có CFS Nhật Bản (G7)	T493D	2025 trở về sau	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	ml	Can 250ml	5.000	11.600	58.000.000
2.5	Dung dịch Hemolynac 510	Hemolynac ·510/ MK-510W	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6	T496D	2025 trở về sau	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	ml	Can 250ml	5.000	13.000	65.000.000

STT	Danh mục vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế	Tên thương mại	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, chủng loại	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(12)*(11)*
			Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.11% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, Tiêu chuẩn CE cho thiết bị y tế chẩn đoán in vitro (CE-IVDR) Có CFS Nhật Bản (G7)									
2.6	Máu chuẩn mức trung bình, MEK-5DN	MEK-5DN	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Mùi: mùi máu Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, Tiêu chuẩn CE cho thiết bị y tế chẩn đoán in vitro (CE-IVDR) Có CFS Nhật Bản (G7)	MEK-5DN	2025 trở về sau	R&D Systems, Inc.	Hoa Kỳ	ml	Lọ 3ml	27	1.000.000	27.000.000
	Tổng											**434.168.960**